

Số: **1134** /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **16** tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1472/QĐ-UBND, Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 04/7/2014; Quyết định số 608/QĐ-UBND, Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 16/3/2017; Quyết định số 1822/QĐ-UBND, Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3 (trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam);

Căn cứ Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22/10/2014 của Bộ Công thương về việc cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 165/TTr-STNMT ngày 22/4/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh, cụ thể:

Giao 2.937.038 m<sup>2</sup> (Hai triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi tám mét vuông) đất thuộc các thửa đất số 213, 214, 216, tờ bản đồ địa

chính số DC01 tại xã Ea Na, huyện Krông Ana cho Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần để sử dụng vào mục đích lòng hồ Thủy điện Buôn Kuốp.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1880/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019.

Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 29/10/2073.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

2. Điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 04/7/2014 của UBND tỉnh:

Cho Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần thuê 534.241 m<sup>2</sup> (Năm trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi một mét vuông) đất tại thành phố Buôn Ma Thuột và huyện Krông Ana để sử dụng vào mục đích xây dựng Nhà máy thủy điện Buôn Kuốp, cụ thể như sau:

- Khu vực Nhà máy và công trình phụ trợ: Diện tích 203.309 m<sup>2</sup> (Hai trăm lẻ ba nghìn ba trăm lẻ chín mét vuông) đất thuộc các thửa đất số 202, 203, 204, tờ bản đồ địa chính số DC03 tại xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột;

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1881/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019;

- Khu vực Đập chính, đập tràn: Diện tích 202.530 m<sup>2</sup> (Hai trăm lẻ hai nghìn năm trăm ba mươi mét vuông) đất thuộc các thửa đất số 212, 215, tờ bản đồ địa chính số DC01 tại xã Ea Na, huyện Krông Ana;

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1878/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019;

- Khu vực Cửa nhận nước: Diện tích 128.402 m<sup>2</sup> (Một trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm lẻ hai mét vuông) đất thuộc thửa đất số 248, tờ bản đồ địa chính số DC01 tại xã Dray Sáp, huyện Krông Ana;

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1879/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019.

Thời hạn thuê đất: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày 29/10/2073.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

3. Điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh:

Giao 11.627.400 m<sup>2</sup> (Mười một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm mét vuông) đất tại huyện Buôn Đôn và thành phố Buôn Ma Thuột cho

Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần để sử dụng vào mục đích lòng hồ công trình Thủy điện Srêpôk 3, cụ thể như sau:

- Tại huyện Buôn Đôn, diện tích 11.381.987 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Tại xã Ea Nuôl: Diện tích 7.309.879 m<sup>2</sup> (Bảy triệu ba trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi chín mét vuông) đất thuộc các thửa đất số 95, 96, tờ bản đồ địa chính số DC01;

+ Tại xã Tân Hòa: Diện tích 4.072.108 m<sup>2</sup> (Bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn một trăm lẻ tám mét vuông) đất thuộc các thửa đất số 381, 384, 385, 387, tờ bản đồ số DC01.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1876/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC và 1877/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019.

- Tại thành phố Buôn Ma Thuột, diện tích 245.413 m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Tại xã Hòa Phú: Diện tích 225.515 m<sup>2</sup> (Hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm mười lăm mét vuông) đất thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số DC01;

+ Tại xã Hòa Xuân: Diện tích 19.898 m<sup>2</sup> (Mười chín nghìn tám trăm chín mươi tám mét vuông) đất thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số DC01.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1875/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019.

Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 16/10/2076.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

4. Điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh:

Cho Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần thuê 525.600 m<sup>2</sup> (Năm trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm mét vuông) đất tại xã Tân Hòa, huyện Buôn Đôn để sử dụng vào mục đích xây dựng công trình Thủy điện Srêpôk 3, cụ thể như sau:

- Khu vực Nhà trực vận hành và sửa chữa tại hiện trường: Diện tích 37.900m<sup>2</sup> (Ba mươi bảy nghìn chín trăm mét vuông) đất thuộc thửa đất số 379, tờ bản đồ số DC01;

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1872/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019.

- Khu vực Nhà máy và cửa nhận nước: Diện tích 127.000 m<sup>2</sup> (Một trăm hai mươi bảy nghìn mét vuông) đất thuộc thửa đất số 378, tờ bản đồ số DC01;

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1873/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019.

- Khu vực Đập chính, đập tràn: Diện tích 360.700 m<sup>2</sup> (Ba trăm sáu mươi nghìn bảy trăm mét vuông) đất thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số DC01;

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1874/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019.

Thời hạn thuê đất: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày 16/10/2076.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

5. Điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh:

Giao 20.936.034 m<sup>2</sup> (Hai mươi triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn không trăm ba mươi tư mét vuông) đất tại huyện Lắk cho Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần để sử dụng vào mục đích lòng hồ Thủy điện Buôn Tua Srah, cụ thể như sau:

- Tại xã Nam Ka: Diện tích 4.577.393 m<sup>2</sup> (Bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi ba mét vuông) đất;

- Tại xã Đăk Nuê: Diện tích 2.140.308 m<sup>2</sup> (Hai triệu một trăm bốn mươi nghìn ba trăm lẻ tám mét vuông) đất;

- Tại xã Krông Nô: Diện tích 14.218.333 m<sup>2</sup> (Mười bốn triệu hai trăm mười tám nghìn ba trăm ba mươi ba mét vuông) đất.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1869/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019.

Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 24/02/2075.

Hình thức sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

6. Điều chỉnh nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh:

Cho Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần thuê 388.138m<sup>2</sup> (Ba trăm tám mươi tám nghìn một trăm ba mươi tám mét vuông) đất thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ địa chính số DC03 và thửa đất số 06, tờ bản đồ địa chính số 17 tại xã Nam Ka, huyện Lắk để sử dụng vào mục đích xây dựng công trình Thủy điện Buôn Tua Srah (hạng mục: Đập chính và nhà trực vận hành hiện trường).

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1871/TL-VPĐKĐĐ-KTĐC do Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 28/02/2019.

Thời hạn thuê đất: Từ ngày Quyết định điều chỉnh này có hiệu lực thi hành đến ngày 24/02/2075.

Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

7. Các nội dung khác không điều chỉnh, thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 04/7/2014; Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 04/7/2014; Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 16/3/2017; Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 16/3/2017; Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 24/7/2017; Quyết định số 1823/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định giá đất cụ thể đối với các vị trí đất cho Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần thuê nêu trên, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; ký Hợp đồng thuê đất với Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần; Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Giao Cục Thuế tỉnh xác định đơn giá thuê đất cho Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần; thông báo đến Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần để nộp tiền thuê đất theo quy định.

3. Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, ranh giới, diện tích đất được giao, cho thuê; ký Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về đất đai với Nhà nước theo quy định; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan khi sử dụng đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Buon Ma Thuột; Chủ tịch UBND các huyện: Lắk, Buôn Đôn, Krông Ana; Tổng Giám đốc Tổng Công ty phát điện 3 - Công ty cổ phần; Thủ trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. /*kt*

Nơi nhận: *kt*

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Phòng NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Trung.20b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Y Giang Gry Niê Knong**